

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Tổng cục Hải quan công bố, tháng 11/2021 xuất nhập khẩu phục hồi mạnh, đạt kỷ lục từ trước tới nay và cùng vượt 30 tỷ USD

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm trong phiên tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VHC, HPG

## [Cập nhật công ty]

DRC

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

17/12/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,479.79	+0.22
VN30	1,513.56	+0.22
HĐTL VN30F1M	1,520.00	+0.66
HNXIndex	456.20	-0.18
HNX30	778.32	+0.98
UPCoM	111.60	-0.13
USD/VND	22,937	-0.30
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.10	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.79	+20
Dầu (WTI, \$)	71.40	-1.35
Vàng (LME, \$)	1,807.79	+0.47



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,479.79 (+0.22%)  
**KLGD (triệu CP)** 1,114.7 (+28.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,502.4 (+28.1%)

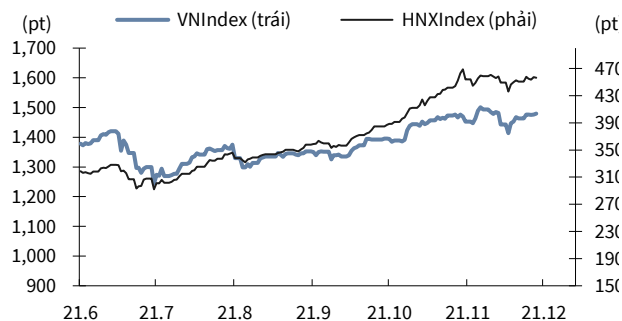
**HNXIndex** 456.20 (-0.18%)  
**KLGD (triệu CP)** 159.3 (+31.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 167.1 (+20.0%)

**UPCoM** 111.60 (-0.13%)  
**KLGD (triệu CP)** 194.8 (+129.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 107.3 (+79.4%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -31.9

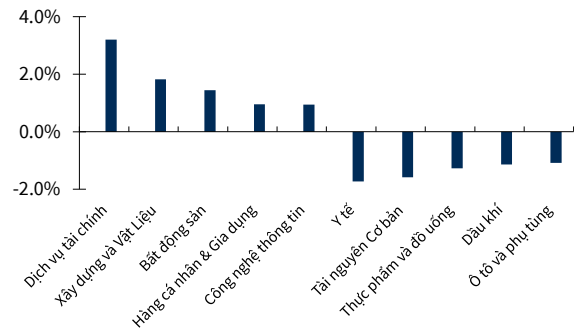
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Tổng cục Hải quan công bố, tháng 11/2021 xuất nhập khẩu phục hồi mạnh, đạt kỷ lục từ trước tới nay và cùng vượt 30 tỷ USD. Cũng theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu phân bón đạt 79.7 triệu USD (+71.8% MoM), gấp hơn 3 lần so với cùng kỳ tác động tích cực đến cổ phiếu phân bón ở DCM (+1.1%), DPM (+0.2%). Cổ phiếu ngành chăn nuôi giảm giá DBC (-1.3%), MML (-0.7%) sau khi Bộ Tài chính Trung Quốc cho biết sẽ tăng sắc thuế tối huệ quốc (MFN) đối với hầu hết các sản phẩm thịt lợn từ các quốc gia được ưu đãi lên mức 12%, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 so với mức 8% hiện tại. Khối ngoại bán ròng ở VPB (+0.3%), VCB (-2.6%), HPG (-1.7%).

## VNIndex & HNXIndex



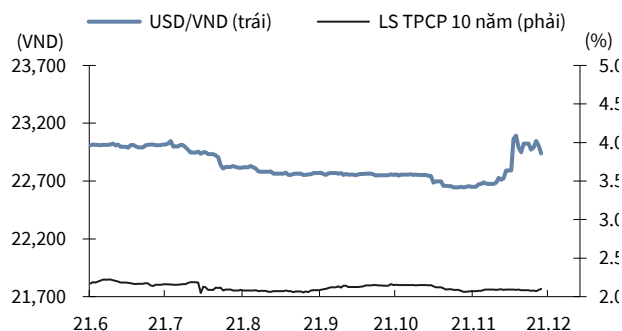
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

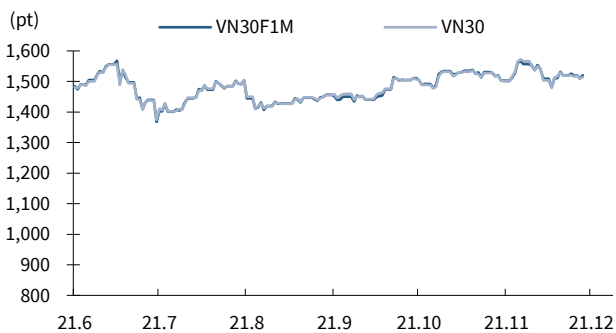
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,513.56 (+0.22%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,520.0 (+0.66%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,514.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,524.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,512.6</b>

Các HĐTL tăng điểm trong phiên tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2112 và chỉ số VN30 biến động với biên độ dương trong suốt phiên giao dịch giữa biên độ 0.1 và 6.4 điểm, đóng cửa ở mức 6.4 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

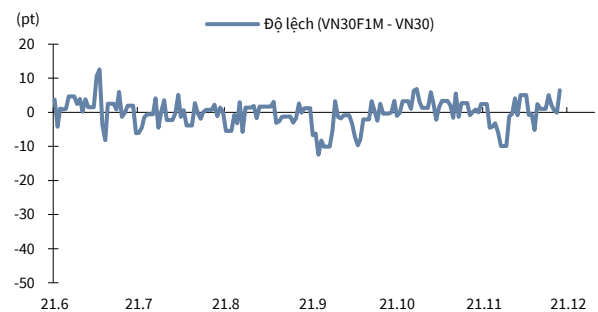
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>122,374 (-17.4%)</b>
------------------	-------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



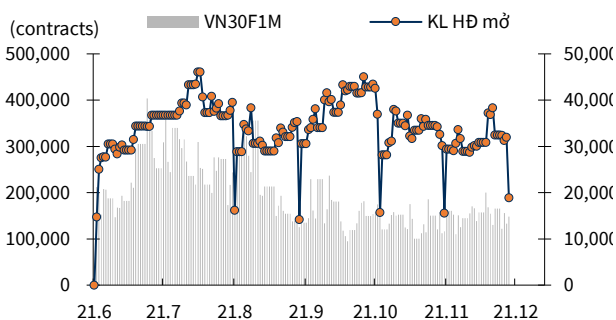
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



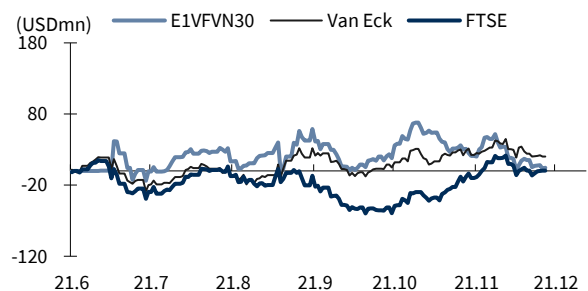
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

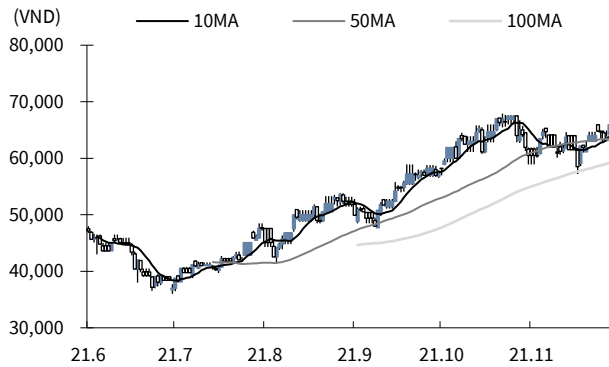
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

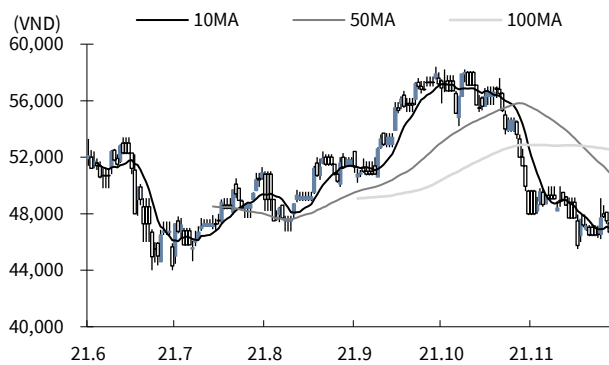
## Công ty (mã) CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC tăng 3.3% lên 65,900 VND/cp
- Vĩnh Hoàn công bố doanh thu xuất khẩu tháng 11 đạt 912 tỷ đồng (+38% YoY), tăng 17% so với tháng trước. Trong đó đóng góp chính từ doanh thu mảng cá tra đạt 617 tỷ đồng (+30% YoY), sản phẩm phụ tăng 53% đạt 175 tỷ đồng. Xét về thị trường tiêu thụ, Mỹ đạt 415 tỷ đồng tăng 68% so với cùng kỳ, Trung Quốc tăng 4% lên 158 tỷ đồng, các quốc gia khác tăng 49% và châu Âu giảm 3%.

## CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 1.7% xuống 46,700 VND/cp
- Tập đoàn Hòa Phát cho biết đã hoàn thành mua thêm 1 tàu dòng Kamsarmax có tải trọng hơn 80,000 tấn để chở hàng rời, phục vụ một phần nhu cầu vận chuyển nguyên liệu than, quặng cho tập đoàn. Việc sở hữu thêm tàu giúp Hòa Phát có lượng tàu ổn định trong những giai đoạn cao điểm, khan tàu, qua đó giảm rủi ro khi giá cước thuê tàu thế giới tăng cao.

COMPANY REPORT



# CTCP Cao su Đà Nẵng (DRC)

## Lấy lại đà tăng trưởng

Chuyên viên phân tích Trần Thị Phương Anh  
anhttp@kbsec.com.vn

17/12/2021

**KQKD của DRC trong Q3/2021 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh bùng phát lần 4**

DRC công bố kết quả kinh doanh quý 3 năm 2021 sụt giảm với lợi nhuận đạt 34 tỷ đồng (-45.3% YoY) và doanh thu thuần 929 tỷ đồng (-1.8% YoY), biên lợi nhuận gộp giảm còn 14.4% so với mức 15.3% cùng kỳ năm 2020.

**DRC đã nhanh chóng lấy lại được đà tăng trưởng trong Q4 tại thị trường nội địa**

DRC cho biết doanh nghiệp đã lấy lại được đà tăng trưởng trong Q4. Theo chia sẻ, doanh thu tháng 10 đạt 468 tỷ đồng (+32% MoM), tương ứng 50% doanh thu cả quý 3. Theo đó, dự kiến 2 tháng 10 và 11 DRC đã hoàn thành trên 90% kế hoạch quý. Trong đó, thị trường nội địa đã hồi phục mạnh mẽ, đóng góp chính cho sự tăng trưởng của DRC trong Q4.

**Doanh nghiệp tăng giá bán các sản phẩm tại thị trường nội địa 5% từ ngày 15/11/2021 và thị trường xuất khẩu từ ngày 1/12/2021**

DRC mới đây đã thông báo tăng giá bán các sản phẩm tại thị trường nội địa 5% từ ngày 15/11/2021 và thị trường xuất khẩu từ ngày 1/12/2021 để bù đắp giá nguyên vật liệu đầu vào, tương đồng với đà tăng giá của một số doanh nghiệp cùng ngành. Theo đó, trong 1 năm qua, doanh nghiệp đã tăng giá bán 3 lần với tổng cộng mức tăng 11%, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức tăng của giá nguyên liệu.

**Năm 2022, KBSV dự báo KQKD tiếp tục tăng trưởng. Khuyến nghị MUA cổ phiếu DRC, giá mục tiêu 39,900VND/cp.**

Năm 2022, chúng tôi dự báo lợi nhuận đạt 376 tỷ đồng (+15.3 YoY) và doanh thu đạt 4,690 tỷ đồng (+7.6% YoY). Kết quả kinh doanh khả quan chủ yếu đến từ tăng trưởng mảng lốp radial và bias và cải thiện biên lợi nhuận. Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu DRC sau khi điều chỉnh giá mục tiêu lên 39,900 VND/cp, tiềm năng tăng giá 18.5% so với giá đóng cửa ngày 16/12/2021.

## MUA duy trì

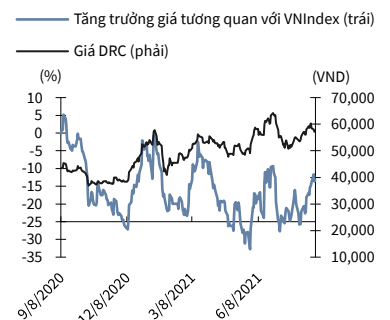
Giá mục tiêu	VND 39,900
Tăng/giảm (%)	18.5
Giá hiện tại (16/12/2021)	VND 33,650
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	4,057

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	46.2
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	69.9
Sở hữu nước ngoài (%)	6.8
Cổ đông lớn nhất	VINACHEM 50.51%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5	-1	10	35
Tương đối	4	3	-3	-14

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019	2020	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	3,858	3,647	4,358	4,690
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	312	313	409	468
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VNĐ)	251	247	326	376
EPS (VNĐ)	2,109	2,079	2,747	3,167
Tăng trưởng EPS (%)	77.7	-1.4	32.1	15.3
P/E (x)	16.0	16.2	12.3	10.6
P/B (x)	2.4	2.4	2.2	2.0
ROE (%)	15.4	14.6	17.6	18.5
Tỷ suất cổ tức (%)	7.7	5.1	7	4.4



# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



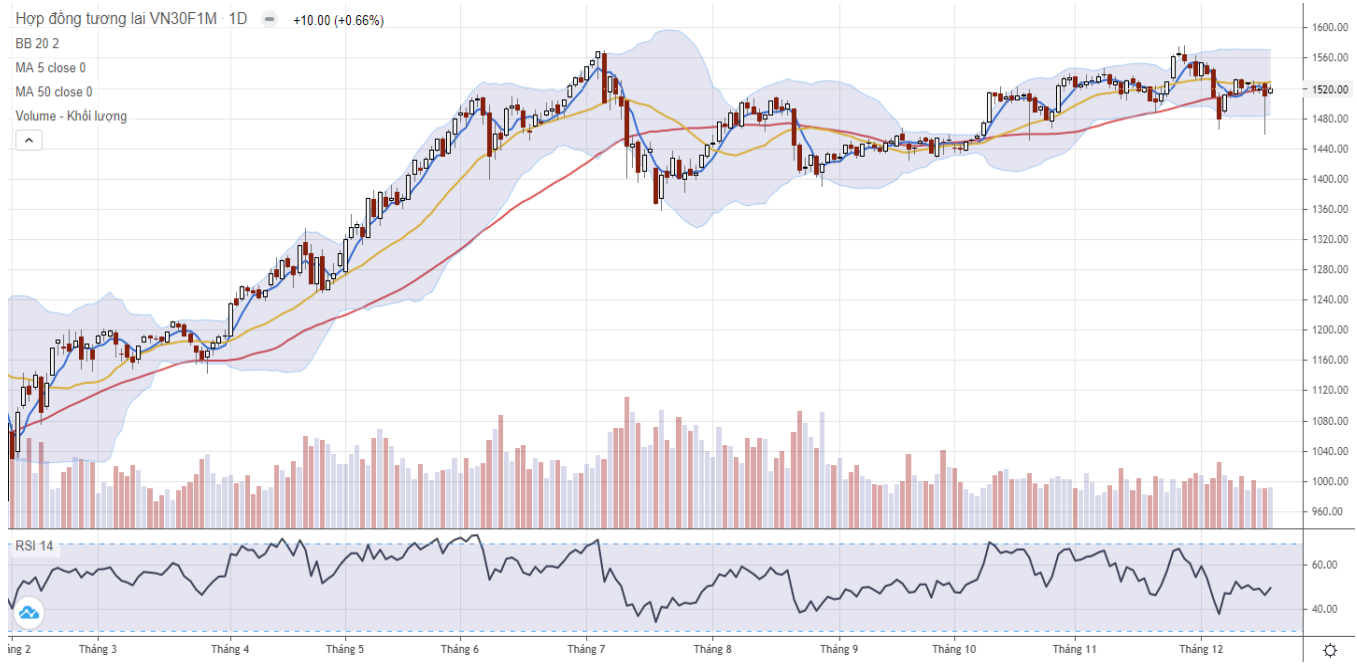
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex ghi nhận diễn biến tăng điểm tích cực với biên độ mở rộng trước khi đánh mất phần lớn thành quả đạt được vào cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh quanh vùng cản gần 148x, cùng với yếu tố kỹ thuật kỳ review danh mục của các quỹ ETFs, tiếp tục gây ra lực cản cho đà hồi phục của chỉ số. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần quanh 1450.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1536 - 1540

**Kháng cự gần:** 1525 - 1528

**Hỗ trợ gần:** 1511 - 1513

**Hỗ trợ xa:** 1501 - 1505

- F1 ghi nhận một phiên tăng điểm tích cực với biên độ mở rộng trước khi đánh mất một phần thành quả đạt được vào cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh quanh vùng cản gần 152x khiến cho nỗ lực tăng điểm của chỉ số không giữ vững được đến hết phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần quanh 1500.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục mở 1 phần trạng thái Long tại vùng hỗ trợ gần nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

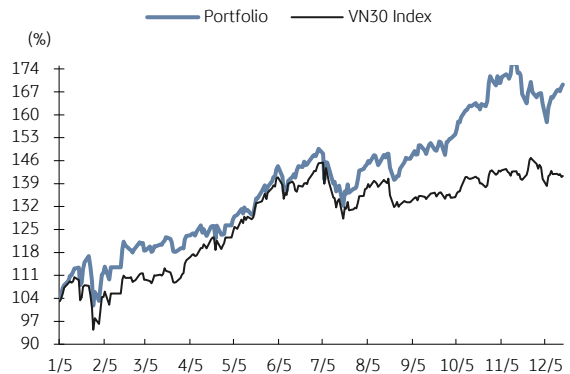
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.22%	0.39%
Tăng lũy kế (YTD)	41.35%	69.23%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	134,500	0.7%	72.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	64,800	-0.5%	194.3%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	95,500	1.9%	22.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	186,000	-0.5%	-2.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	67,600	0.6%	97.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	96,400	0.9%	228.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,950	1.4%	71.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	99,000	0.4%	34.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,700	-1.7%	228.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	57,000	0.7%	313.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	3.9%	13.6%	133.6
DGC	-0.9%	17.4%	89.7
DIG	4.4%	54.5%	89.0
VIC	2.0%	24.1%	77.5
DXG	0.0%	29.8%	62.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	0.3%	15.3%	-363.2
VCB	-2.6%	4.0%	-288.2
HPG	-1.7%	97.9%	-246.0
MSN	-1.6%	26.3%	-182.0
NVL	0.2%	32.8%	-102.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-0.6%	0.4%	111.5
SHS	4.9%	8.2%	17.9
PVI	2.2%	56.8%	6.5
ART	-0.7%	0.5%	3.1
NDN	-3.0%	2.1%	0.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	6.6%	13.2%	-122.2
THD	-3.8%	1.6%	-37.3
PVS	0.0%	7.2%	-6.5
TNG	4.2%	2.1%	-3.3
NRC	9.8%	5.4%	-1.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	7.7%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	5.9%	VGC, CII
Bất động sản	4.2%	VHM, BCM
Truyền thông	3.5%	YEG, ADG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.5%	GAS, POW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-1.4%	VCB, VPB
Bảo hiểm	-1.3%	BVH, PGI
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.8%	PNJ, MSH
Du lịch và Giải trí	-0.6%	VJC, HVN
Y tế	0.3%	DHG, TRA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	9.2%	VIC, NVL
Xây dựng và Vật Liệu	8.2%	VGC, ROS
Truyền thông	4.1%	ADG, YEG
Ô tô và phụ tùng	2.6%	SVC, HAX
Hóa chất	2.0%	GVR, DPM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-7.7%	PLX, PVD
Bảo hiểm	-5.7%	BVH, MIG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-5.4%	GEX, APH
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.9%	PNJ, TCM
Y tế	-4.4%	DHG, TRA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	397,499 (17.4)	22.5	128.1	144.9	14.7	3.4	3.0	4.1	4.1	2.0	-1.1	5.9	6.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	555,861 (24.4)	26.6	10.1	9.1	35.9	31.5	27.5	3.0	2.3	2.7	4.4	1.2	22.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	262,399 (11.5)	17.8	37.9	24.4	-7.6	6.1	9.0	2.3	2.1	2.3	1.5	1.1	-1.9
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	432,561 (18.9)	31.3	41.1	29.9	6.7	13.8	13.9	5.5	4.9	0.2	1.9	11.6	139.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	87,677 (3.8)	11.6	29.8	21.5	18.0	13.5	15.8	3.4	3.0	4.1	5.4	4.3	89.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	397,748 (17.4)	13.9	16.9	13.5	-	16.5	16.4	2.4	2.0	0.0	9.5	35.8	161.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	105,298 (4.6)	6.3	17.7	14.7	11.7	20.3	20.4	3.1	2.5	-2.6	-3.5	-1.5	-1.4
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	110,004 (4.8)	12.7	19.7	14.8	-5.3	13.2	15.5	2.1	1.9	0.0	0.7	3.0	-6.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	813,941 (35.8)	0.0	10.2	8.6	14.3	20.8	19.8	1.9	1.6	0.0	-0.7	-4.5	58.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	374,380 (16.4)	1.4	12.1	8.8	61.1	16.3	19.6	1.6	1.4	1.4	-1.8	2.2	23.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	758,972 (33.3)	0.0	11.9	10.1	18.8	17.8	15.9	1.7	1.5	0.3	-5.6	-6.5	87.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	372,255 (16.4)	0.0	8.9	7.4	14.6	21.7	21.7	1.7	1.4	-0.2	-0.5	-1.7	67.1
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	233,578 (10.3)	4.2	10.2	9.2	23.3	20.9	19.9	2.0	1.6	-0.7	-3.9	6.1	55.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	609,077 (26.7)	14.0	17.2	12.9	26.5	10.0	11.4	1.5	1.4	-1.0	-1.0	1.1	67.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	232,395 (10.2)	0.0	12.7	10.4	37.5	21.2	20.2	2.4	1.9	0.2	-1.3	18.6	91.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	20,303 (0.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.0	-3.0	-6.1	35.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	65,703 (2.9)	21.0	23.2	19.5	15.8	9.1	10.1	2.0	1.8	-0.7	-2.0	10.3	-12.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	28,951 (1.3)	14.2	22.3	19.2	9.1	10.9	12.6	2.1	1.9	2.5	4.6	-7.8	74.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	1,232,014 (54.1)	55.4	23.0	25.1	-3.2	17.7	13.7	-	-	3.1	-0.9	14.5	140.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	319,990 (14.0)	71.9	18.0	-	-4.0	25.0	25.8	-	-	3.2	-1.6	3.3	157.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	269,454 (11.8)	52.4	17.4	-	-19.0	23.0	21.4	-	-	6.1	5.4	1.9	92.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	580,610 (25.5)	27.2	-	-	36.3	31.7	19.8	-	-	3.9	1.3	7.7	326.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	205,259 (9.0)	42.1	18.3	17.2	4.0	32.9	33.2	5.4	5.1	-1.0	-0.7	-3.5	-21.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,755 (1.0)	36.9	27.6	22.2	7.3	17.6	19.4	4.3	3.7	-0.7	-1.5	12.0	-23.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	179,265 (7.9)	16.5	40.4	28.9	-51.9	31.6	23.1	8.5	6.6	-1.6	2.5	4.7	77.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	131,343 (5.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.7	2.0	14.9	-28.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	107,525 (4.7)	11.0	-	34.3	-88.5	0.4	16.2	-	-	-0.2	-1.6	-4.2	-2.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	112,942 (5.0)	10.8	41.1	28.0	-57.0	8.6	12.2	2.5	2.4	-0.4	1.2	-9.0	51.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	263,109 (11.5)	38.4	152.2	21.5	65.7	1.3	8.3	-	-	6.4	28.8	23.7	68.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	264,662 (11.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-1.4	27.4	48.0	319.0
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	699,410 (30.7)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	2.4	5.8	-2.8	148.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	78,584 (3.4)	3.6	50.1	18.0	-52.4	1.6	4.5	0.8	0.8	0.0	1.6	20.6	17.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	39,048 (1.7)	0.0	12.3	9.8	-4.5	11.9	13.2	1.5	1.3	0.6	-0.7	-5.8	38.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtriệu, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
					20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	105,037 (4.6)	46.1	19.5	16.0	-17.5	19.7	22.3	3.8	3.4	0.4	2.5	-15.7	14.3
PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	33,482 (1.5)	31.4	14.3	10.0	-10.5	12.1	15.8	1.7	2.3	-0.4	6.1	7.5	5.3
PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,720 (0.3)	34.1	17.1	13.0	-5.1	8.9	11.6	1.5	1.5	0.0	3.3	0.6	-3.1
HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,126,233 (49.4)	18.0	5.6	6.6	21.9	45.2	29.9	2.1	1.6	-1.7	0.4	-9.1	52.1
PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	263,415 (11.6)	36.5	8.5	12.5	-0.5	26.8	16.2	2.0	1.8	0.2	-1.2	-3.1	165.4
PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	263,732 (11.6)	46.5	20.2	16.7	-4.5	18.2	18.3	2.9	2.7	1.1	0.7	-2.1	170.7
HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	290,968 (12.8)	38.9	5.8	6.6	67.9	25.0	19.2	1.3	1.0	-2.8	4.6	-15.1	79.3
AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	116,550 (5.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.5	9.4	3.9	42.1
VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	118,101 (5.2)	4.6	25.1	17.3	-51.0	14.7	16.3	3.0	3.0	-1.1	1.9	-12.6	-0.5
PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	191,530 (8.4)	39.9	181.8	25.8	-11.9	0.5	4.0	0.8	0.8	-1.4	-3.8	-13.1	71.6
PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	71,941 (3.2)	35.9	11.5	9.3	1.2	14.3	16.7	1.5	1.4	-0.4	2.8	-7.0	71.4
MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	152,746 (6.7)	0.0	20.9	15.1	13.7	26.6	28.3	4.8	3.8	0.7	0.3	-2.5	69.7
PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	54,863 (2.4)	0.0	23.3	16.0	2.4	18.4	22.9	3.9	3.3	1.9	-1.8	-10.2	17.9
YEAHI GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,560 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	7.5	1.1	-59.4
FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	90,409 (4.0)	30.3	38.6	38.1	-75.2	13.4	12.6	5.0	4.5	7.0	13.5	34.0	154.7
PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	61,258 (2.7)	34.6	26.4	10.7	41.2	13.4	30.4	3.0	2.6	1.4	1.5	-2.5	15.9
DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,968 (0.3)	45.4	21.3	20.2	10.7	21.2	20.6	4.2	3.8	-4.9	-0.7	21.1	18.8
PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	237 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	2.3	4.8
FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	167,058 (7.3)	0.0	20.9	17.1	15.5	24.0	25.3	4.5	4.1	0.9	0.6	-1.9	87.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.